

PHỤ LỤC GIẢI TRÌNH VÀ TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA SỞ TƯ PHÁP

STT	Tên đơn vị	Nội dung	
		Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
I	Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp (Báo cáo số 204/BC-STP ngày 25/5/2023)	Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 1575/STC-QLNS ngày 10/5/2023	
		<p>1. Đề nghị xem xét, bổ sung một số căn cứ pháp lý ban hành sau cho đầy đủ, đúng quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - "Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022; - "Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022". 	Sở Tài chính đã tiếp thu và chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết
		<p>2. Điểm a khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết (dự kiến sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND) quy định: "Văn phòng Tỉnh ủy (không bao gồm các cơ quan Đảng trực thuộc): 3". Sở Tư pháp nhận thấy, Văn phòng Tỉnh ủy không có cơ quan trực thuộc. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, biên tập lại quy định trên để đảm bảo phù hợp với thực tế tổ chức của Văn phòng Tỉnh ủy. Ngoài ra, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, kiểm</p>	Về mặt quan hệ tài chính, ngân sách đảng, Văn phòng Tỉnh ủy là đơn vị dự toán cấp 1 có các đơn vị dự toán cấp 4 trực thuộc là: Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy; Ban Dân vận Tỉnh ủy, Đảng ủy khối các cơ quan và doanh nghiệp, Báo Kon Tum, Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh. Công tác phân bổ dự toán, điều hành và quyết toán do Văn phòng Tỉnh ủy thực hiện, tổng hợp chung (đơn vị dự toán cấp 1). Theo

STT	Tên đơn vị	Nội dung	
		Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
		tra, xác định các cơ quan khác của đảng (Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Ban Nội chính; Ban Dân vận) có là đơn vị dự toán trực thuộc hay không là đơn vị dự toán trực thuộc Văn phòng Tỉnh ủy. Trên cơ sở kiểm tra, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh có quy định phù hợp.	đó, Sở Tài chính đề nghị giữ nguyên như biên tập tại điểm a Khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết.
		3. Điểm c khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết quy định phân bổ kinh phí cho một số nhiệm vụ chi không thường xuyên, nhiệm vụ đặc thù của các ngành, lĩnh vực. Theo đó, Sở Tư pháp được phân bổ kinh phí cho một số nhiệm vụ chi không thường xuyên, nhiệm vụ đặc thù là: tham gia, thẩm định các văn bản quy phạm pháp luật, rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chung của toàn tỉnh giao Sở Tư pháp chủ trì thực hiện. Cơ quan thẩm định nhận thấy, công tác thẩm định văn bản quy phạm pháp luật không thực hiện chung cho toàn tỉnh (việc thẩm định được thực hiện riêng khi có đề nghị của cơ quan chủ trì xây dựng). Bên cạnh đó, kinh phí phục vụ công tác thẩm định hiện được sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của cơ quan thẩm định và được cấp hàng năm. Tuy nhiên, một số nhiệm vụ không thường xuyên chung	Trên cơ sở xây dựng dự toán hàng năm của Sở Tư pháp và ý kiến của Sở Tư pháp tại cuộc họp thảo luận dự toán qua các năm ¹ , Sở Tài chính đã tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ dự toán hàng năm cho Sở Tư pháp, trong đó có KP thẩm định các văn bản quy phạm pháp luật , rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật giao Sở Tư pháp chủ trì thực hiện. Theo đó, Sở Tài chính đề xuất bổ sung thêm nội dung “ <i>tham gia, thẩm định các văn bản quy phạm pháp luật</i> ” vào nội dung đã quy định sẵn ngay từ khi ban hành Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ² (gạch đầu dòng (-) thứ nhất điểm g Khoản 2 Điều 4) để có cơ sở trình cấp thẩm quyền phân bổ, giao dự toán cho Sở Tư pháp ngay từ đầu năm. Mặt khác tại đoạn cuối của gạch đầu dòng (-)

¹ Trong đó, Sở Tư pháp báo cáo: Kinh phí tham gia thẩm định các văn bản quy phạm pháp luật khá lớn Sở Tư pháp không thể cân đối trong dự toán chi thường xuyên giao hàng năm (Theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06/7/2022 sửa đổi, bổ sung Điều 4 Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016, mức chi báo cáo thẩm định đối với dự thảo nghị quyết HĐND: 750.000 đồng, thống kê bình quân mỗi năm (năm 2022. 2023) Sở Tư pháp thẩm định khoảng 120 văn bản QPPL, nhu cầu chi khoảng 90 triệu đồng)

² Đã gửi các đơn vị, địa phương góp ý và Sở Tư pháp thẩm định trước khi tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND

STT	Tên đơn vị	Nội dung	
		Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
		<p>khác của toàn tỉnh giao Sở Tư pháp chủ trì thực hiện không được dự kiến phân bổ kinh phí như nhiệm vụ kiểm tra, tự kiểm tra văn bản theo chuyên đề, địa bàn khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp, của cơ quan nhà nước khác ở Trung ương...</p> <p>Từ những lý do nêu trên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, biên tập lại quy định trên theo hướng sau: "Kinh phí tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền; kinh phí tham gia, kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chung của toàn tỉnh giao Sở Tư pháp chủ trì thực hiện".</p>	<p>thứ nhất điểm g Khoản 2 Điều 4 Nghị quyết có quy định: "...và các nhiệm vụ chi đặc thù khác được cấp thẩm quyền giao". Theo đó, khi Sở Tư pháp được cấp thẩm quyền giao thực hiện các nhiệm vụ mới phát sinh (nhiệm vụ đặc thù) không thường xuyên Sở Tư pháp phối hợp Sở Tài chính báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí thực hiện theo khả năng cân đối ngân sách và theo quy định phân cấp hiện hành.</p> <p>Vì vậy, Sở Tài chính đề nghị giữ nguyên như biên tập tại điểm c Khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết.</p>
		<p>4. Với dự kiến tại khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị quyết, nội dung sau được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND không còn: "Định mức phân bổ ngân sách nhà nước phân bổ nêu trên đã bao gồm: kinh phí...bảo dưỡng thường xuyên tài sản". Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xác định cần hay không cần tiếp tục tham mưu quy định nội dung trên. Trường hợp cần tiếp tục quy định, đề nghị bổ sung. Tương tự, với quy định tại điểm a khoản 6 Điều 1 dự thảo Nghị quyết, các tiêu chí (người)</p>	<p>Sở Tài chính đã tiếp thu và chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết cho phù hợp.</p>

STT	Tên đơn vị	Nội dung	
		Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
		và định mức phân bổ (triệu đồng/người/năm) tại ký hiệu (-) thứ hai, điểm a khoản 1 Điều 12 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND không còn. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét.	
		5. Khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị quyết quy định: "Hỗ trợ kinh phí thuê mướn để làm công việc quản trang, tạp vụ, phục vụ tại Nhà khách đón tiếp thân nhân liệt sĩ". Sở Tư pháp nhận thấy điểm b khoản 2 Điều 10 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND quy định cụ thể đơn vị được hỗ trợ để thực hiện chế độ, chính sách trợ giúp xã hội được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND(). Với quy định tại khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị quyết là chưa rõ đối tượng (cơ quan, đơn vị) được hỗ trợ kinh phí thuê mướn để làm công việc quản trang, tạp vụ, phục vụ tại Nhà khách đón tiếp thân nhân liệt sĩ. Vì vậy, để đảm bảo cụ thể, minh bạch của quy định, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xác định rõ đối tượng (cơ quan, đơn vị) được hỗ trợ kinh phí thuê mướn để làm công việc quản trang, tạp vụ, phục vụ tại Nhà khách đón tiếp thân nhân liệt sĩ.	Sở Tài chính đã tiếp thu và chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết cho phù hợp.
		6. Khoản 6 Điều 1 dự thảo dự kiến mức ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên đối với đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo	Sở Tài chính đã tiếp thu và chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết cho phù hợp.

STT	Tên đơn vị	Nội dung	
		Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
		<p>chi thường xuyên là: Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước do cấp có thẩm quyền giao và quy định hiện hành; chi thường xuyên theo định mức (trên cơ sở số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước do cấp có thẩm quyền giao). Sở Tư pháp nhận thấy quy định mức ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên đối với đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên được căn cứ vào số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước do cấp có thẩm quyền giao là chưa phù hợp với nguyên tắc xác định mức ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên được quy định khoản 3 Điều 4 Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.</p> <p>Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ quy định về việc xác định mức tự bảo đảm chi thường xuyên của đơn vị sự nghiệp công được quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 56/2022/TT-BTC và nguyên tắc xác định mức ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên được quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số</p>	

STT	Tên đơn vị	Nội dung	
		Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
		56/2022/TT-BTC để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cho phù hợp.	
		7. Tên khoản 7 Điều 1 dự thảo Nghị quyết, đề nghị chỉnh lý lại như sau cho chính xác: " <i>Sửa đổi, bổ sung đoạn cuối khoản 1 Điều 16 như sau:</i> ".	Sở Tài chính đã tiếp thu và chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết
		8. Đề nghị bỏ đoạn: " <i>Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021</i> " tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết vì không cần thiết.	Sở Tài chính đã tiếp thu và chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết
II	Ý kiến Sở Tư pháp tại Văn bản số 941/STP-XDKTr&PBPL ngày 07 tháng 6 năm 2023	Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 1975/STC-QLNS ngày 07 tháng 6 năm 2023 sau khi có kết quả phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh thường kỳ tháng 5 vào ngày 06 tháng 6 năm 2023	
		1. Điểm a khoản 1 Điều 1 dự thảo (<i>dự kiến sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 4</i>) quy định: " <i>- Các Sở, ngành, đơn vị hành chính còn lại không có đơn vị trực thuộc: 1,3.</i> <i>- Các đơn vị hành chính trực thuộc các Sở, ngành: 1,1</i> ". Việc sửa dụng thuật ngữ " <i>đơn vị hành chính</i> " trong quy định trên là không chính xác, không phù hợp với quy định tại Điều 2 Luật Tổ chức	Sở Tài chính đã tiếp thu và chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết

STT	Tên đơn vị	Nội dung	
		Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
		<p>chính quyền địa phương. Cụ thể, theo quy định tại Điều 2 Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì đơn vị hành chính là tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (<i>cấp tỉnh</i>); huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc Trung ương (<i>cấp huyện</i>), xã, phường, thị trấn (<i>cấp xã</i>); đơn vị hành chính-kinh tế đặc biệt. Điều 4 dự thảo được đặt Chương III và Chương này quy định tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho các đơn vị dự toán khối tỉnh. Như vậy, không thể quy định đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tại điểm a khoản 1 Điều 1 dự thảo (<i>dự kiến sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 4</i>). Bên cạnh đó, không có đơn vị hành chính trực thuộc các sở, ngành.</p> <p>Từ lý do nêu trên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo không sử dụng thuật ngữ "đơn vị hành chính" tại điểm a khoản 1 Điều 1 dự thảo (<i>dự kiến sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 4</i>). Có thể xem xét, biên tập lại theo hướng sau⁽³⁾:</p> <p>"- Các Sở, ngành, cơ quan hành chính không có đơn vị trực thuộc còn lại: 1,3. - Các đơn vị dự toán trực thuộc các Sở, ngành (không bao gồm các đơn vị sự nghiệp): 1,1"</p>	
		2. Điểm a khoản 7 Điều 1 (dự kiến sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 12) quy định mức ngân sách	Theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư

⁽³⁾ Lưu ý, nội dung được Sở Tư pháp biên tập chỉ mang có tính chất tham khảo đối với cơ quan chủ trì soạn thảo.

STT	Tên đơn vị	Nội dung	
		Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
		<p>nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên đối với đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên là: Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước do cấp có thẩm quyền giao và quy định hiện hành; chi thường xuyên theo định mức (<i>trên cơ sở số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước do cấp có thẩm quyền giao</i>). Việc quy định mức ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên đối với đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên được căn cứ vào số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước do cấp có thẩm quyền giao là chưa phù hợp với nguyên tắc xác định mức ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên được quy định khoản 3 Điều 4 Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.</p> <p>Cụ thể, một trong những nội dung chi của đơn vị sự nghiệp được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 56/2022/TT-BTC là: "<i>Chi tiền lương ngạch, bậc, chức vụ, các khoản đóng góp theo lương và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định theo số lượng người làm</i></p>	<p>số 56/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính thì <u>đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên là đơn vị nhóm 4</u>. Theo đó, Sở Tài chính biên tập nội dung tại điểm a Khoản 7 Điều 1 (dự kiến sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 12) căn cứ vào quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính:</p> <p><i>“b) Đối với đơn vị nhóm 4</i></p> <p><i>Cơ quan quản lý cấp trên phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc căn cứ vào quỹ tiền lương của số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt và áp dụng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ như đối với lĩnh vực chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể của đơn vị cùng quy mô biên chế theo quy định của cấp có thẩm quyền và các khoản thu của đơn vị để xác định mức ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ theo quy định tại Chương II Thông tư này.”</i></p> <p>Theo quy định nêu trên, ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên đối với đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4) căn cứ vào Quỹ tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp</p>

STT	Tên đơn vị	Nội dung	
		Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
		<p><i>việc được giao hoặc số lượng vị trí việc làm được phê duyệt; chi tiền công theo hợp đồng vụ việc (nếu có)".</i> Theo quy định trên, ngoài chi tiền lương, các khoản đóng góp, phụ cấp theo lương, còn chi tiền công theo hợp đồng vụ việc và nội dung chi này là một trong các cơ sở để xác định mức ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên đối với đơn vị trực thuộc nhóm 3 và nhóm 4.</p> <p>Với lý do trên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ quy định về việc xác định mức tự bảo đảm chi thường xuyên của đơn vị sự nghiệp công được quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 56/2022/TT-BTC và nguyên tắc xác định mức ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên được quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 56/2022/TT-BTC để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cho phù hợp.</p>	<p>theo số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước do cấp có thẩm quyền giao và chi thường xuyên theo định mức (<i>trên cơ sở số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước do cấp có thẩm quyền giao</i>).</p> <p>Đối với ý kiến của Sở Tư pháp, Sở Tài chính thuyết minh thêm như sau:</p> <p>Quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 56/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính để xác định khoản chi tự chủ B của đơn vị, làm cơ sở xác định mức tự bảo đảm chi thường xuyên của tất cả các loại đơn vị sự nghiệp công lập⁴. Đối với nguồn kinh phí giao tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 56/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính thì được chi tiền công theo hợp đồng vụ việc (nếu có), điều này không đồng nghĩa với việc nội dung chi tiền công theo hợp đồng vụ việc (nếu có) được lấy làm cơ sở để ngân sách bố trí, hỗ trợ kinh phí cho đơn vị sự nghiệp công lập. Việc bố trí, hỗ trợ kinh phí được quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 56/2022/TT-BTC (Sở Tài chính đã thuyết minh ở trên).</p>

⁴ gồm: đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (đơn vị nhóm 1), đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 2), đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3) và đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4)

STT	Tên đơn vị	Nội dung	
		Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
			Do đó, Sở Tài chính đề nghị giữ nguyên như biên tập của dự thảo Nghị quyết.